

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG.
BỘ MÔN MAC- LÊNIN.**

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.

Nguyễn Thị Diệu Liêng.

Năm học 2005.

Mục lục

CHƯƠNG I:.....	3
Nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng HCM:.....	3
1. Nguồn gốc tư tưởng HCM:.....	3
2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng HCM:.....	4
II. Định nghĩa, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập tư tưởng HCM:.....	5
Định nghĩa và hệ thống tư tưởng HCM:.....	5
2. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp và ý nghĩa học tập TTHCM:.....	5
CHƯƠNG II.....	7
Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc:.....	7
1. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc:..	8
2. Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn ở các nước đang đấu tranh giành độc lập:.....	9
Kết hợp nhuần nhuyễn dân tộc với giai cấp, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế:.....	9
II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc:.....	10
III. Vận dụng tư tưởng HCM về vấn đề dân tộc và CMGPDT trong công cuộc đổi mới hiện nay:.....	14
CHƯƠNG III.....	15
TTHCM về bản chất và mục tiêu của CNXH:.....	15
CHƯƠNG IV:.....	23
I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc:.....	23
1. Cơ sở hình thành tư tưởng HCM về đại đoàn kết dân tộc:.....	23
2. Những quan điểm cơ bản của HCM về đại đoàn kết dân tộc:.....	24
II. Tư tưởng HCM về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại:.....	25
III. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại trong bối cảnh hiện nay:.....	28
CHƯƠNG V.....	30
CHƯƠNG VI.....	37

CHƯƠNG I:

NGUỒN GỐC, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP TTHCM.

(6 = 4 + 2)

Nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng HCM:

HCM sinh ra trong một gia đình giàu truyền thống yêu nước, ở quê hương giàu truyền thống cách mạng, trong một đất nước sớm định hình một quốc gia dân tộc có chủ quyền lâu đời, trong đó tinh thần yêu nước là dòng chảy chủ yếu xuyên suốt chiều dài lịch sử.

1. Nguồn gốc tư tưởng HCM:

a. Giá trị truyền thống dân tộc: là ý thức chủ quyền quốc gia dân tộc, ý chí tự lập, tự cường, yêu nước, kiên cường, bất khuất,... tạo thành động lực mạnh mẽ của đất nước; là tinh thần tương thân, tương ái, nhân nghĩa, cố kết cộng đồng dân tộc, thủy chung, khoan dung, độ lượng, thông minh,... trong đó, chủ nghĩa yêu nước là cốt lõi, là dòng chảy chính của tư tưởng văn hóa truyền thống Việt Nam. Chính sức mạnh của truyền thống tư tưởng và văn hóa đó đã thúc dục HCM ra đi tìm đường cứu nước.

b. Tinh hoa văn hóa nhân loại:

- Tư tưởng và văn hóa phương Đông:

+ Về nho giáo: HCM tiếp thu những mặt tích cực của Nho giáo về triết lý hành động, nhân nghĩa, ước vọng về một xã hội bình trị, một thế giới đại đồng; về một triết lý nhân sinh, tu thân, tề gia, đề cao trung, hiếu,...

+ Về Phật giáo: HCM tiếp thu tư tưởng vị tha, từ bi, bác ái, coi trọng tinh thần bình đẳng, chống phân biệt đẳng cấp, chăm lo điều thiện,...

+ Về chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn: HCM thấy những điều thích hợp với điều kiện nước ta: dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc.

- Về tư tưởng và văn hóa phương Tây: HCM nghiên cứu và tiếp thu tư tưởng văn hóa dân chủ và cách mạng của cách mạng Pháp, cách mạng Mỹ (Voltaire, Roussu, Montesquieu,... Người chịu ảnh hưởng của tư tưởng tự do, bình đẳng của Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền năm 1791 của cách mạng Pháp; Người tiếp thu những giá trị về quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của Tuyên ngôn độc lập năm 1776).

c. Chủ nghĩa Mac – Lênin: nguồn gốc lý luận trực tiếp, quyết định bản chất tư tưởng HCM. Đối với chủ nghĩa Mac – Lênin, HCM đã nắm vững cái cốt lõi, linh hồn sống của nó, là phương pháp biện chứng duy vật, học tập lập trường, quan điểm, phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mac – Lênin để giải quyết các vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

d. Phẩm chất cá nhân của HCM:

Đó là con người sống có hoài bão, có lý tưởng yêu nước, thương dân, có bản lĩnh kiên định, có lòng tin vào nhân dân, khiêm tốn, bình dị, ham học hỏi, nhạy bén cái mới, thông minh, có hiểu biết sâu rộng, có phương pháp biện chứng, có đầu óc thực tiễn.

Tóm lại, TTHCM là sản phẩm của sự tổng hòa và phát triển biện chứng tư tưởng văn hóa truyền thống dân tộc, tinh hoa tư tưởng văn hóa của phương Đông và phương Tây với chủ nghĩa Mac – Lênin làm nền tảng, cùng với thực tiễn của dân tộc và thời đại qua sự tiếp biến và phát triển của HCM. TTHCM là tư tưởng Việt Nam hiện đại.

2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng HCM:

- a. Thời kỳ hình thành tư tưởng yêu nước, thương nòi (trước năm 1911).
- b. Thời kỳ tìm tòi con đường cứu nước, giải phóng dân tộc (1911 – 1920).
- c. Thời kỳ hình thành cơ bản về tư tưởng cách mạng Việt Nam (1921 – 1930).
- d. Thời kỳ thử thách, kiên trì giữ vững quan điểm, nêu cao tư tưởng độc lập, tự do và quyền dân tộc cơ bản (1930 – 1945).
- đ. Thời kỳ tiếp tục phát triển mới về tư tưởng kháng chiến và kiến quốc (1945 – 1969).

II. Định nghĩa, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập tư tưởng HCM:

Định nghĩa và hệ thống tư tưởng HCM:

- **Định nghĩa:** TTHCM là một hệ thống quan điểm, lý luận mang giá trị như một học thuyết được xây dựng trên một thế giới quan và phương pháp luận nhất quán, đại biểu cho ý chí, nguyện vọng của một giai cấp, một dân tộc, phù hợp với nhu cầu tiến hóa của thực tiễn nhất định, trở lại chi đạo và cải tạo thực tiễn đó.

Báo cáo Chính trị của BCHTU K. VIII viết: “ TTHCM là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của CMVN, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mac – Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa của nhân loại...”.

- **Hệ thống TTHCM:**
 - Giải phóng dân tộc, Giải phóng giai cấp, Giải phóng con người.
 - ĐLDT gắn liền với CNXH, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
 - Sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc.
 - Quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân.
 - Quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.
 - Phát triển kinh tế, văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.
 - Đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.
 - Chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau.
 - Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

2. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp và ý nghĩa học tập TTHCM:

a. Đối tượng, nhiệm vụ:

- Đối tượng nghiên cứu: hệ thống quan điểm, lý luận về CMVN mà cốt lõi là tư tưởng ĐL, TD; về mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn của hệ thống quan điểm lý luận cách mạng HCM; về mối quan hệ biện chứng trong sự tác động qua lại của tư tưởng ĐL, TD với tư tưởng GPDT, GPGC, GPCN; về ĐLDT với CNXH; về các quan điểm cơ bản trong hệ thống tư tưởng HCM.
- Nhiệm vụ: đi sâu nghiên cứu làm rõ:
 - * Nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển TTHCM.
 - * Nội dung, bản chất cách mạng và khoa học, đặc điểm của các quan điểm trong hệ thống TTHCM.
 - * Vai trò nền tảng, kim chỉ nam hành động của TTHCM đối với CMVN và giá trị tư tưởng của Người trong kho tàng tư tưởng, lý luận cách mạng thế giới của thời đại.

b. Phương pháp:

- Chủ nghĩa DVBC và CNDVLS là cơ sở phương pháp luận khoa học để nghiên cứu, học tập, vận dụng và phát triển TTHCM.
- TTHCM là một hệ thống toàn diện và sâu sắc về CMVN, có mối quan hệ biện chứng nội tại của nó. Một yêu cầu về phương pháp luận khi nghiên cứu TTHCM trên bình diện tổng thể hay từng bộ phận là phải luôn quán triệt mối liên hệ qua lại của các yếu tố, các bộ phận khác nhau trong sự gắn kết tất yếu của hệ thống tư tưởng đó quanh hạt nhân cốt lõi là tư tưởng ĐL, TD.
- HCM là nhà lý luận – thực tiễn. Người xây dựng lý luận, Cương lĩnh, đường lối và trực tiếp tổ chức, lãnh đạo thực hiện. Từ thực tiễn, Người tổng kết, bổ sung để hoàn chỉnh và phát triển. Do vậy, nghiên cứu TTHCM không chỉ căn cứ vào tác phẩm mà cần coi trọng hoạt động thực tiễn của Người, thực tiễn cách mạng dưới sự tổ chức và lãnh đạo của Đảng do Người đứng đầu.

c. Ý nghĩa học tập:

- TTHCM soi đường cho Đảng và nhân dân VN trên con đường xây dựng mục tiêu: dân giàu, nước mạnh,... vì vậy, phải học tập TTHCM nghiêm túc để nâng cao tư duy lý luận, rèn luyện bản lĩnh chính trị, nâng cao đạo đức cách mạng, năng lực công tác,...
- Đối với thế hệ trẻ nói chung, học sinh, sinh viên nói riêng cần đặc biệt coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng, đặc biệt là giáo dục TTHCM nhằm nâng cao lý luận, phương pháp tư duy biện chứng, góp phần đào tạo sinh viên thành những chiến sĩ tiên phong trong việc bảo vệ và xây dựng đất nước VN đàng hoàng hơn và to đẹp hơn như di chúc của Người để lại

CHƯƠNG II.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

(6 = 4 + 2).

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc:

- **Mac – Anghen**: không đi sâu giải quyết vấn đề dân tộc vì thời đó vấn đề dân tộc ở Tây Âu đã được giải quyết trong cuộc cách mạng tư sản. Với thực tiễn của CMVS châu Âu, Mac – Anghen tập trung nhiều về vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp.
- **Lênin**: Trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, CMGPDT trở thành một bộ phận của CMVS thế giới; Do vậy, Lênin có cơ sở thực tiễn để phát triển vấn đề dân tộc thuộc địa thành một hệ thống lý luận.

Mac – Anghen – Lênin đã nêu lên những quan điểm cơ bản về mối quan hệ biện chứng giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, tạo cơ sở lý luận và phương pháp luận cho việc xác định chiến lược và sách lược của các ĐCS về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

- Trong điều kiện từ đầu TK XX trở đi, cần vận dụng và phát triển lý luận Mac – Lênin phù hợp với thực tiễn các nước thuộc địa. HCM đã đáp ứng được yêu cầu đó.

1. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc:

- Độc lập, tự do là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa. HCM: “ Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn; đây là tất cả những điều tôi hiểu”.
- Từ Tuyên ngôn độc lập của Mỹ, Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp, HCM khái quát thành quyền của các dân tộc: “ Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do ”.
- Năm 1919, vận dụng nguyên tắc dân tộc tự quyết đã được các nước đồng minh thắng trận trong chiến tranh thế giới I thừa nhận, HCM gửi bản yêu sách 8 điểm đến hội nghị Verseille tập trung vào 2 nội dung cơ bản:
 - * Đòi quyền bình đẳng về chế độ pháp lý cho người bản xứ Đông Dương như đối với người châu Âu.
 - * Đòi các quyền tự do dân chủ tối thiểu cho nhân dân: tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do cư trú,...

Bản yêu sách không được chấp nhận. NAQ kết luận: muốn GPDT, không thể bị động trông chờ vào sự giúp đỡ bên ngoài, mà trước hết phải dựa vào sức mạnh của chính dân tộc mình.
- Tháng 5. 1941, HCM chủ trì Hội nghị TU 8 nêu cao vấn đề GPDT.
- CM tháng 8 thành công, Người thay mặt Chính phủ đọc Tuyên ngôn độc lập, long trọng khẳng định trước toàn thế giới “ Nước VN có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc VN quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy”.
- Trong văn kiện gửi các nước sau cách mạng tháng 8, HCM trình trọng tuyên bố: “ Nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hòa bình. Nhưng nhân dân

chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước”, “ Chúng ta thà hy sinh...”, “ Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.

2. Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn ở các nước đang đấu tranh giành độc lập:

Theo HCM, do kinh tế ở Đông Dương chưa phát triển nên sự phân hóa giai cấp ở Đông Dương chưa triệt để, vì thế, “ cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây”. Các giai cấp có sự tương đồng lớn: dù là địa chủ hay nông dân, họ đều chịu chung số phận là người nô lệ mất nước. Người kiến nghị về Cương lĩnh hành động của QTCS là: “ Phát động chiến tranh dân tộc bản xứ nhân danh QTCS...khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi...nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa Quốc tế”.

Như vậy, xuất phát từ sự phân tích quan hệ giai cấp trong xã hội thuộc địa, từ truyền thống dân tộc VN, HCM đã đánh giá cao sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc mà những người cộng sản phải nắm lấy và phát huy.

Kết hợp nhuần nhuyễn dân tộc với giai cấp, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế:

HCM đã có sự gắn bó thống nhất giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế, ĐLDT và CNXH. Năm 1930, trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Người xác định phương hướng chiến lược của CMVN là làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới XHCS.

Xóa bỏ áp bức dân tộc mà không xóa bỏ tình trạng bóc lột và áp bức giai cấp thì nhân dân lao động vẫn chưa được giải phóng. Chỉ có xóa bỏ tận gốc tình trạng áp bức, bóc lột, chỉ có thiết lập một nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân mới đảm bảo cho người lao động có quyền làm chủ, mới thực hiện được sự phát triển hài hòa giữa cá nhân và xã hội, giữa độc lập dân tộc với tự do và hạnh phúc của con người,...Do đó, sau khi giành ĐLDT phải tiến lên xây dựng CNXH.

HCM đưa ra quan điểm: Độc lập cho dân tộc mình, đồng thời độc lập cho tất cả các dân tộc. HCM không chỉ đấu tranh cho độc lập của dân tộc

mình mà còn đấu tranh cho độc lập của tất cả các dân tộc bị áp bức (ủng hộ quỹ kháng chiến của người Anh, ủng hộ cuộc kháng chiến của Nhật, TQ, Lào, Kampuchea). Người đề ra khẩu hiệu: “ Giúp bạn là tự giúp mình”.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc:

CMGPDT muốn thắng lợi phải đi theo con đường CMVS:

- Sự thất bại của phong trào yêu nước trong những năm cuối thế kỷ XIX đầu TK XX. Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước và lựa chọn con đường CMVS.
- Nội dung chủ yếu của con đường CMVS:
 - Tiến hành CMGPDT và dần dần từng bước đi tới XHCS.
 - Lực lượng lãnh đạo cách mạng là GCCN mà đội tiên phong là ĐCS.
 - Lực lượng cách mạng là khối đoàn kết toàn dân, nòng cốt là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và lao động trí óc.
 - Sự nghiệp cách mạng của VN là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, cho nên phải đoàn kết quốc tế.

CMGPDT trong thời đại mới phải do Đảng Công sản lãnh đạo:

- Các phong trào yêu nước trước khi thành lập Đảng bị thất bại do thiếu đường lối chính trị đúng đắn và phương pháp cách mạng khoa học.
- HCM khẳng định: Muốn GPDT thành công “ trước hết phải có đảng cách mệnh”. Người phân tích: “ cách mệnh trước hết phải làm cho dân giác ngộ”, “ phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu”, “ cách mệnh phải hiểu phong trào cách mệnh thế giới, phải bày sách lược cho dân”, “ Vậy nên sức cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh”. Đầu năm 1930, Người thành lập ĐCSVN.

Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc:

- Theo HCM, CMGPDT là việc chung của cả dân chúng. “ Dân tộc cách mệnh chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền”. Trong lực lượng đó, công nông “ là gốc cách mệnh”, còn “ học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ...là bầu bạn cách mệnh của công nông”.

- HCM đánh giá cao vai trò của nhân dân trong khởi nghĩa vũ trang. Người khẳng định: “ Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại nổi”.
- Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Người xác định lực lượng cách mạng bao gồm cả toàn dân tộc.
- Trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, HCM lấy nhân dân làm nguồn sức mạnh. Quan điểm “ lấy dân làm gốc” xuyên suốt quá trình chỉ đạo kháng chiến của Người. Người khẳng định: “ Địch chiếm trời, địch chiếm đất, nhưng không làm sao chiếm được lòng nồng nàn yêu nước của nhân dân ta”. Ngày 09. 04. 1965, trả lời phóng viên báo Acahata (Nhật Bản), HCM khẳng định: trong thời đại chúng ta, một dân tộc đoàn kết chặt chẽ, đấu tranh kiên quyết, hoàn toàn có thể đánh bại bọn đế quốc xâm lược hung hãn, gian ác và có nhiều vũ khí.

CMGPDT cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước CMVS ở chính quốc:

- ***Đề cương về phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa*** được thông qua tại Đại hội VI QTCS (9. 1928) cho rằng: “Chỉ có thể thực hiện hoàn toàn công cuộc giải phóng các thuộc địa khi giai cấp vô sản giành được thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến”. Quan điểm này đã làm giảm tính chủ động sáng tạo của phong trào cách mạng ở thuộc địa.
- **Theo HCM,**
 - CMGPDT ở thuộc địa và CMVS ở chính quốc có mối quan hệ mật thiết nhau, tác động qua lại lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung. Đó là mối quan hệ bình đẳng chứ không là quan hệ lệ thuộc.
 - Nhân dân các nước thuộc địa có khả năng cách mạng to lớn. Khối liên minh các dân tộc thuộc địa là một trong những cái cánh của CMVS. Tại Đại hội V QTCS (6. 1924), Người khẳng định vai trò, vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa: “ Vận mệnh của GCVS

toàn thế giới và đặc biệt là vận mệnh của GCVS ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của GC bị áp bức ở các thuộc địa... nọc độc và sức sống của con rắn độc TBCN đang tập trung ở các thuộc địa hơn các nước chính quốc ”. Nếu xem thường cách mạng ở thuộc địa tức là “ muốn đánh chết rắn đằng đuôi”. Người đưa ra luận điểm: “ Công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”.

- Năm 1921, NAQ cho rằng: CMGPDT ở thuộc địa có thể giành thắng lợi trước CMVS ở chính quốc. “ Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của bọn thực dân..., họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của CNTB là CNĐQ, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”.

CMGPDT phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực:

a. Bạo lực cách mạng trong cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam:

- Các thế lực đế quốc sử dụng bạo lực để xâm lược và thống trị thuộc địa. Vì thế, con đường để giành và giữ ĐLDT chỉ có thể là con đường cách mạng bạo lực. “ Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và của dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền”.
- HCM cho rằng bạo lực cách mạng cũng là bạo lực của quần chúng. Hình thức của bạo lực cách mạng bao gồm cả đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.
- HCM luôn tranh thủ khả năng giành và giữ chính quyền ít đổ máu. Người tìm mọi cách ngăn chặn xung đột vũ trang, tận dụng mọi khả năng giải quyết xung đột bằng biện pháp hòa bình, chủ động đàm phán thương lượng, chấp nhận những nhượng bộ có nguyên tắc.
- Việc tiến hành chiến tranh chỉ là giải pháp bắt buộc cuối cùng. Khi tiến hành chiến tranh, Người vẫn tìm mọi cách vẫn hồi hòa bình.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Người nhiều lần gửi thư cho chính phủ và nhân dân Pháp. Người viết: “ Chúng tôi muốn hòa bình ngay để máu người Pháp và Việt ngừng chảy. Những dòng máu đó chúng tôi đều quý như nhau. Chúng tôi mong đợi ở chính phủ và nhân dân Pháp một cử chỉ mang lại hòa bình. Nếu không, chúng tôi bắt buộc phải chiến đấu đến cùng để giải phóng hoàn toàn đất nước”

Trong kháng chiến chống Mỹ, Người gửi nhiều thông điệp cho các nhà cầm quyền Mỹ đề nghị đàm phán hòa bình để kết thúc chiến tranh. Khi quân đội Mỹ tăng cường chiến tranh, một mặt Người kêu gọi quân dân ta quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, đồng thời, chủ trương vừa đánh, vừa đàm để kết thúc chiến tranh.

Tư tưởng bạo lực cách mạng và tư tưởng nhân đạo hòa bình thống nhất biện chứng với nhau trong tư tưởng HCM.

b. Phương châm chiến lược đánh lâu dài trong cách mạng giải phóng dân tộc:

- Trước kẻ thù lớn mạnh, HCM chủ trương sử dụng phương châm chiến lược đánh lâu dài. Kháng chiến phải trường kỳ vì đất ta hẹp, dân ta ít, nước ta nghèo, ta phải chuẩn bị lâu dài và phải có sự chuẩn bị toàn diện của toàn dân. Với quân đội mới tổ chức, với vũ khí thô sơ, ta quyết kế trường kỳ kháng chiến... thắng lợi với trường kỳ phải đi đôi với nhau.
- Tự lực cánh sinh là một phương châm chiến lược rất quan trọng nhằm phát huy cao độ mọi nguồn sức mạnh chủ quan, tránh tư tưởng bị động trông chờ vào sự giúp đỡ bên ngoài. “ Muốn người ta giúp cho thì trước hết mình phải tự giúp lấy mình đã”. Khi thời cơ tổng khởi nghĩa xuất hiện, HCM kêu gọi toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy, đem sức ta mà tự giải phóng cho ta. Người luôn đề cao sức mạnh bên trong, phát huy đến mức cao nhất mọi nỗ lực của dân tộc, đề cao tinh thần độc lập tự chủ.
- Độc lập tự chủ, tự lực tự cường kết hợp với tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế là một quan điểm nhất quán trong tư tưởng HCM..

III. Vận dụng tư tưởng HCM về vấn đề dân tộc và CMGPDT trong công cuộc đổi mới hiện nay:

Khơi dậy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, nguồn động lực mạnh để xây dựng và bảo vệ đất nước:

- Trong sự nghiệp đổi mới, cần phải xác định rõ các nguồn lực và phát huy tối đa nguồn nội lực (con người, trí tuệ, truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng, đất đai, tài nguyên, vốn liếng,...) trong đó, yếu tố quan trọng nhất, quyết định nhất vẫn là nguồn lực con người với tất cả sức mạnh thể chất và tinh thần.
- Con người Việt Nam có nhiều truyền thống tốt đẹp. Trong công cuộc đổi mới, các truyền thống quý báu ấy cần được tiếp tục khơi dậy và phát huy mạnh mẽ, biến nó thành nguồn nội lực vô tận để đất nước ta vượt qua mọi khó khăn thử thách, vững bước tiến lên

Nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc trên quan điểm giai cấp:

- HCM giải quyết vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp quyện chặt với nhau. Khi coi trọng vấn đề dân tộc, đề cao sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, thì Người luôn đứng vững trên quan điểm giai cấp để nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc.
- Mục tiêu của cách mạng do HCM và Đảng nêu lên thể hiện kết hợp vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.

CHƯƠNG III.

TTHCM VỀ CNXH VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CNXH Ở VIỆT NAM.

(6 = 4 + 2).

TTHCM về bản chất và mục tiêu của CNXH:

Con đường hình thành tư duy HCM về CNXH ở Việt Nam:

HCM tiếp thu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac- Lênin về CNXH, vận dụng và phát triển một cách sáng tạo, đưa ra nhiều kiến giải mới nhằm bổ sung vào lý luận của chủ nghĩa Mac - Lênin, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

- HCM luận giải về sự ra đời và bản chất của CNXH từ phương diện kinh tế, trình độ phát triển của LLSX. Trên cơ sở nền tảng kinh tế mới, CNXH sẽ xác lập một hệ thống, các giá trị đặc thù mang tính nhân bản thấm sâu vào mỗi quan hệ và lĩnh vực xã hội.
- Nét sáng tạo của HCM là ở chỗ Người đến với CNXH và luận giải nó từ khát vọng GPDT và nhu cầu GP con người một cách triệt để.
- HCM còn tiếp cận CNXH từ văn hóa, đưa văn hóa thâm nhập vào bên trong chính trị và kinh tế, tạo nên sự thống nhất giữa văn hóa, chính trị và kinh tế, giữa các mục tiêu phát triển xã hội.
- Tiếp cận CNXH từ phương diện đạo đức, HCM cho rằng: CNXH đối lập, xa lạ với chủ nghĩa cá nhân nhưng không hề phủ nhận cá nhân, trái lại, đề cao, tôn trọng con người cá nhân, các giá trị cá nhân, phát triển mọi năng lực cá nhân vì phát triển xã hội và hạnh phúc con người. CNXH tạo mọi điều kiện cho sự phát triển hài hòa giữa cá nhân và xã hội.
- HCM luận giải tính tất yếu và bản chất của CNXH trên cơ sở kế thừa và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống của DTVN, của phương Đông.

Tóm lại, HCM đã nhận thức tính tất yếu và bản chất của CNXH như là kết quả tác động tổng hợp của các nhân tố: truyền thống và hiện tại; dân tộc và quốc tế;

kinh tế, chính trị, đạo đức, văn hóa. Như vậy, HCM đã làm phong phú cách tiếp cận về CNXH, có những công hiến xuất sắc và việc phát triển lý luận Mac- Lênin.

Quan niệm của HCM về đặc trưng bản chất của CNXH:

- **Quan niệm của Mac - Anghen:** tất cả mọi TLSX trở thành tài sản chung của toàn xã hội, qua đó, tạo điều kiện để phát triển kinh tế theo một kế hoạch thống nhất, bảo đảm tính chất xã hội của lao động; theo nguyên tắc " làm theo năng lực hưởng theo lao động",...

- **Quan niệm của Lênin:** phát triển học thuyết của Mac - Anghen, Người cho rằng: việc tiến lên CNXH không loại trừ nền sản xuất hàng hóa do giai cấp công nhân tổ chức. Lênin đề ra việc sử dụng các quan hệ hàng hóa - tiền tệ và những phạm trù liên quan tới hàng hóa, giá cả, lợi nhuận, hạch toán kinh tế. Đồng thời, việc phân phối phải được xây dựng nhờ các quan hệ hàng hóa - tiền tệ, thương nghiệp.

- **Một số định nghĩa mà HCM đề cập về CNXH:**

* Định nghĩa tổng quát: xem xét CNXH, CNCS như là một chế độ xã hội hoàn chỉnh, bao gồm nhiều mặt khác nhau của đời sống xã hội, là con đường giải phóng nhân loại khỏi lao, áp bức.

* Định nghĩa CNXH bằng cách chỉ ra một mặt nào đó của nó (kinh tế, chính trị, văn hóa,...): "... CNXH là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng làm của chung. Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên trừ những người già cả, đau yếu và trẻ em..."

* Định nghĩa bằng cách xác định mục tiêu của CNXH, chỉ rõ phương hướng, phương tiện để đạt được mục tiêu đó:" CNXH là gì?" và Người tự trả lời: " là mọi người được ăn no mặc ấm, sung sướng tự do", " là đoàn kết, vui khỏe".

* Định nghĩa CNXH bằng cách xác định động lực xây dựng nó: " CNXH là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân và do dân tự xây dựng lấy"

→ **Những định nghĩa của HCM đã phản ánh đầy đủ những đặc trưng cốt lõi của CNXH. Đó là:**

- + CNXH là một chế độ xã hội có LLSX phát triển cao, gắn liền với sự phát triển của tiên bộ khoa học - kỹ thuật và văn hóa, dân giàu, nước mạnh.
- + Thực hiện chế độ sở hữu về TLSX và thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động.

+ CNXH có chế độ chính trị dân chủ, NDLD là chủ và NDLD làm chủ, Nhà nước là của dân, do dân, vì dân, dựa trên khối đại đoàn kết toàn dân mà nòng cốt là liên minh công - nông và lao động trí óc, do ĐCS lãnh đạo.

+ CNXH có hệ thống quan hệ xã hội lành mạnh, công bằng, bình đẳng, không còn áp bức, bóc lột, bất công, không còn sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc, giữa thành thị và nông thôn, con người được giải phóng, có điều kiện phát triển toàn diện, có sự hài hòa trong phát triển của xã hội và tự nhiên.

+ CNXH là của quần chúng nhân dân và do quần chúng nhân dân tự xây dựng lấy.

Các đặc trưng bản chất nêu trên là hình thức thể hiện một hệ thống giá trị vừa kế thừa các di sản của quá khứ, vừa được sáng tạo mới trong quá trình xây dựng CNXH.

Quan niệm của HCM về mục tiêu và động lực của CNXH:

a. Những mục tiêu cơ bản:

- **Mục tiêu chung (mục tiêu tổng quát) của CNXH:** ĐLTD cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân. Mục tiêu cao nhất của CNXH là nâng cao đời sống nhân dân.
- **Mục đích của CNXH:** không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động/ CNXH là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động thì được nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ... tóm lại, xã hội ngày càng tiến bộ, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt".
- **Mục tiêu cụ thể:**
 - + Mục tiêu chính trị: Trong TKQĐ, chế độ chính trị phải là do nhân dân lao động làm chủ, Nhà nước là của dân, do dân, vì dân. Nhà nước có 2 chức năng: dân chủ với nhân dân, chuyên chính với kẻ thù của nhân dân.
 - + Mục tiêu kinh tế: chế độ chính trị của CNXH chỉ được đảm bảo và đứng vững trên cơ sở một nền kinh tế vững mạnh - nền KTXHCN với công - nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến, cách bóc lột theo CNTB được xóa bỏ dần, đời sống vật chất của nhân dân ngày càng được cải thiện.

+ Mục tiêu văn hóa - xã hội: Văn hóa là mục tiêu cơ bản của CMXHCN, được thể hiện trong mọi sinh hoạt tinh thần của xã hội. HCM đặt lên hàng đầu nhiệm vụ của CMXHCN là đào tạo con người. Bởi lẽ, mục tiêu cao nhất, động lực quyết định nhất công cuộc xây dựng chính là con người. Người luôn nhấn mạnh đến trau dồi, rèn luyện đạo đức cách mạng; đồng thời cũng quan tâm đến mặt tài năng, luôn tạo điều kiện để mỗi người rèn luyện tài năng, đem tài năng cống hiến cho xã hội.

b. Các động lực của CNXH:

Động lực biểu hiện ở 2 phương diện: vật chất và tư tưởng. Động lực quan trọng và quyết định nhất là con người, là nhân dân lao động, nòng cốt là công - nông - trí thức.

- Con người là động lực quan trọng nhất, HCM nhận thấy ở động lực này có sự kết hợp giữa cá nhân và xã hội. Truyền thống yêu nước của dân tộc, sự đoàn kết cộng đồng, sức lao động sáng tạo của nhân dân, đó là sức mạnh tổng hợp tạo nên động lực quan trọng của CNXH.
- Nhà nước đại diện cho ý chí và quyền lực của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện chức năng quản lý xã hội, đưa sự nghiệp xây dựng CNXH đến thắng lợi.
- HCM coi trọng động lực kinh tế, phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh, giải phóng mọi năng lực sản xuất, làm cho mọi người, mọi nhà trở nên giàu có, ích quốc lợi dân, gắn liền kinh tế với kỹ thuật, kinh tế với xã hội.
- HCM còn quan tâm đến văn hóa, khoa học, giáo dục. Coi đó là động lực tinh thần không thể thiếu của CNXH.
- Ngoài các nguồn động lực bên trong, theo HCM phải kết hợp được với sức mạnh thời đại, tăng cường đoàn kết quốc tế, chủ nghĩa yêu nước phải gắn liền với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, phải sử dụng tốt những thành quả khoa học - kỹ thuật thế giới.
- Cần ngăn ngừa các yếu tố kìm hãm, triệt tiêu nguồn năng lực vốn có của CNXH, làm cho CNXH trở nên trì trệ, xơ cứng, không có sức hấp dẫn.

TTHCM về thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam:

Quan niệm của HCM về thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam:

- **Quan niệm của Mac - Anghen - Lênin:**

- Quá độ là một tất yếu khách quan.
- Có 2 con đường quá độ lên CNXH: quá độ trực tiếp (những nước TBCN phát triển ở trình độ cao) và quá độ gián tiếp (những nước TBCN phát triển còn thấp).

- **Quan niệm của HCM:** vận dụng lý luận về cách mạng không ngừng, về TKQĐ và xuất phát từ đặc điểm tình hình thực tế ở Việt Nam, HCM khẳng định: con đường CMVN là tiến hành GPDT, hoàn thành CMDTDCND, tiến dần lên CNXH (Quá độ gián tiếp - HCM đặc biệt lưu ý đến mâu thuẫn cơ bản của TKQĐ, đó là mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển cao của đất nước theo xu hướng tiến bộ với thực trạng kinh tế - xã hội quá thấp kém của nước ta).

- Nhiệm vụ lịch sử của TKQĐ lên CNXH ở Việt Nam: gồm 2 nội dung lớn:
 - + Xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật cho CNXH, xây dựng các tiền đề về kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng cho CNXH.
 - + Cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo và xây dựng, lấy xây dựng làm trọng tâm, làm nội dung cốt yếu nhất, chủ chốt và lâu dài.

HCM nhấn mạnh đến tính chất tuần tự của TKQĐ.

Tính chất phức tạp và khó khăn được HCM lý giải trên các điểm sau:

- . Đây là một cuộc cách mạng làm đảo lộn mọi mặt của đời sống xã hội. Nó đặt ra và đòi hỏi đồng thời giải quyết hàng loạt mâu thuẫn khác nhau.
- . Đây là công việc mới mẻ đối với Đảng ta, phải vừa làm, vừa học và có thể có vấp vấp, thiếu sót.
- . Sự nghiệp xây dựng CNXH luôn bị các thế lực phản động trong và ngoài nước chống phá.

→ Cần phải thận trọng, tránh nôn nóng, chủ quan, đốt cháy giai đoạn.

- Quan điểm của HCM về nội dung xây dựng CNXH ở nước ta trong TKQĐ:

Đây là một cuộc cách mạng mang tính toàn diện. HCM xác định nhiệm vụ cụ thể cho từng lĩnh vực:

- + Trong lĩnh vực chính trị: Phải giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng; củng cố và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, nòng cốt là liên minh công - nông và trí thức do ĐCS lãnh đạo; củng cố và tăng cường sức mạnh của hệ thống chính trị cũng như của từng thành tố của nó.
- + Nội dung kinh tế: được HCM đề cập trên các mặt: LLSX, QHSX, quản lý kinh tế. Đối với cơ cấu kinh tế, HCM đề cập cơ cấu ngành và cơ cấu các thành phần kinh tế, cơ cấu kinh tế vùng, lãnh thổ. Ở nước ta, HCM là người đầu tiên chủ trương phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong suốt TKQĐ lên CNXH.
- + Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội: HCM nhấn mạnh đến vấn đề xây dựng con người mới. Người đề cao vai trò của văn hóa, giáo dục và khoa học- kỹ thuật. HCM coi trọng việc nâng cao dân trí, đào tạo và sử dụng nhân tài.

Bước đi và các biện pháp xây dựng CNXH ở nước ta:

- **Nguyên tắc có tính chất phương pháp luận HCM đề ra là:**

- * Xây dựng CNXH là một hiện tượng phổ biến mang tính quốc tế, cần quán triệt các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac - Lênin về xây dựng chế độ mới, có thể tham khảo, học tập kinh nghiệm của các nước anh em.
- * Xác định bước đi và biện pháp xây dựng CNXH chủ yếu xuất phát từ điều kiện thực tế, đặc điểm dân tộc, nhu cầu và khả năng thực tế của nhân dân.

- **Phương châm thực hiện bước đi trong xây dựng CNXH:** dần dần, thận trọng từng bước một, từ thấp đến cao, không chủ quan nôn nóng và sự tuân tự của các bước đi do điều kiện khách quan qui định. Mặt khác, phải tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH nhưng không làm bừa, làm ẩu, mà phải phù hợp với điều kiện thực tế.

- **Phương thức và biện pháp tiến hành xây dựng CNXH:**

- + Cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính.
- + Kết hợp xây dựng và bảo vệ.
- + Xây dựng CNXH phải có kế hoạch, biện pháp, quyết tâm.

+ Trong điều kiện nước ta, biện pháp cơ bản, quyết định, lâu dài trong xây dựng CNXH là đem của dân, tài dân, sức dân làm lợi cho dân dưới sự lãnh đạo của ĐCS.

Phải biến sự nghiệp xây dựng CNXH thành sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo.

Vận dụng TTHCM về CNXH và con đường quá độ lên CNXH vào công cuộc đổi mới:

Giữ vững mục tiêu CNXH:

- ĐLDT và CNXH là mục tiêu cao cả và bất biến của toàn Đảng, toàn dân ta.
- Hiện nay, chúng ta đang tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện vì mục tiêu: " Dân giàu, nước mạnh,..." là tiếp tục con đường cách mạng ĐLDT gắn liền với CNXH mà Đảng và HCM đã chọn. Đổi mới, vì thế, là quá trình vận dụng và phát triển TTHCM, kiên định mục tiêu ĐLDT và CNXH, chứ không phải là thay đổi mục tiêu.
- Khi chấp nhận KTTT, chúng ta phải tận dụng các mặt tích cực của nó, đồng thời, phải ngăn chặn, phòng tránh các mặt tiêu cực.
- Vấn đề đặt ra là trong quá trình phát triển vẫn giữ vững định hướng XHCN, biết cách sử dụng thành tựu của loài người phục vụ cho công cuộc xây dựng CNXH, làm cho tăng trưởng kinh tế luôn đi liền với sự tiến bộ, công bằng xã hội, sự trong sạch, lành mạnh về đạo đức, tinh thần.

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy mạnh mẽ tất cả các nguồn lực, trước hết là nội lực để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước:

- CNH, HĐH là con đường tất yếu phải đi của nước ta. Chúng ta cần phải tranh thủ thành tựu của KH - CN để nhanh chóng biến nước ta thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.
- Xây dựng CNXH là sự nghiệp của toàn dân nghĩa là phải phát huy mọi nguồn lực vốn có trong dân để xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Theo tinh thần đó, ngày nay, CNH, HĐH đất nước phải dựa vào

nguồn lực trong nước là chính. Có phát huy mạnh mẽ nội lực mới có thể tranh thủ sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên ngoài.

- Nguồn lực của nhân dân gồm: trí tuệ, tài năng, sức lao động, của cải,... Để có thể phát huy sức mạnh của nhân dân cần phải: tin dân, dựa vào dân, xác lập quyền làm chủ của nhân dân trên thực tế; chăm lo mọi mặt đời sống của nhân dân để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thực hiện nhất quán chiến lược đại đoàn kết HCM trên cơ sở liên minh...

1. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại:

- Xây dựng CNXH phải biết tranh thủ các điều kiện quốc tế thuận lợi, tận dụng tối đa sức mạnh của thời đại (sức mạnh của KH - CN, xu thế toàn cầu hóa). Chúng ta cần có cơ chế chính sách đúng để thu hút vốn đầu tư, kinh nghiệm quản lý và công nghệ hiện đại, thực hiện kết hợp SMDT với SMTĐ theo TTHCM.
- Muốn vậy, chúng ta phải có đường lối chính trị độc lập, tự chủ. Tranh thủ hợp tác đi đôi với thường xuyên khơi gợi chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc chân chính của mọi người VN. Chủ động hội nhập quốc tế phải gắn liền với nhiệm vụ trau dồi bản lĩnh và bản sắc văn hóa dân tộc để có thể loại trừ các yếu tố độc hại, tiếp thu tinh hoa văn hóa loài người, làm phong phú, làm giàu nền văn hóa dân tộc.

Chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh, làm trong sạch bộ máy nhà nước, đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thực hiện cần, kiệm xây dựng CNXH:

Thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH, phát huy quyền làm chủ của nhân dân cần đến vai trò lãnh đạo của một Đảng cách mạng chân chính, một nhà nước thật sự của dân,... Muốn vậy phải:

- Xây dựng một ĐCSVN cầm quyền, một Đảng "đạo đức, văn minh".
- Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN mạnh mẽ, của dân,... thực hiện cải cách nền hành chính quốc gia một cách đồng bộ để phục vụ đời sống nhân dân.
- Bằng các biện pháp thiết thực, hình thành một đội ngũ cán bộ liêm khiết, tận trung với nước, tận hiếu với dân.

- Giáo dục mọi tầng lớp nhân dân ý thức biết cách làm giàu cho đất nước, hăng hái đẩy mạnh tăng gia sản xuất, kinh doanh gắn liền với tiết kiệm để xây dựng nước nhà.

CHƯƠNG IV:

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI.

6 T= 4+ 2.

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc:

1. Cơ sở hình thành tư tưởng HCM về đại đoàn kết dân tộc:

a. Truyền thống yêu nước, nhân ái, tinh thần cố kết cộng đồng của DTVN:

HCM sớm hấp thu và nhận thức được vai trò của chủ nghĩa yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc. Người khẳng định: " Nhân dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta...". Chủ

nghĩa yêu nước, truyền thống đoàn kết cộng đồng của DTVN là cơ sở đầu tiên, sâu xa cho sự hình thành TTHCM về đại đoàn kết dân tộc.

- b. Quan điểm của chủ nghĩa Mac - Lênin coi cách mạng là sự nghiệp của quần chúng:** CNML cho rằng: CM là sự nghiệp của quần chúng, nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử; giai cấp vô sản muốn thực hiện được vai trò lãnh đạo cách mạng phải trở thành dân tộc; liên minh công nông là cơ sở để xây dựng lực lượng to lớn của cách mạng. Đây là quan điểm lý luận hết sức cần thiết để HCM có cơ sở khoa học trong sự đánh giá chính xác yếu tố tích cực cũng như những hạn chế trong các di sản truyền thống, trong tư tưởng tập hợp lực lượng của các nhà yêu nước VN tiền bối và các nhà cách mạng lớn trên thế giới, từ đó hình thành tư tưởng HCM đại đoàn kết dân tộc.
- c. Tổng kết những kinh nghiệm thành công và thất bại của các phong trào yêu nước, phong trào cách mạng Việt Nam và thế giới, nhất là phong trào GPDT ở các nước thuộc địa.** Đặc biệt, HCM nghiên cứu những bài học của cuộc Cách mạng Tháng Mười.

2. Những quan điểm cơ bản của HCM về đại đoàn kết dân tộc:

- a. Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, bảo đảm thành công của cách mạng:** - Sự thất bại của các phong trào yêu nước VN cuối TK XIX đầu TK XX CHO Người hiểu: muốn đưa cách mạng đến thành công phải có lực lượng đủ mạnh, muốn có lực lượng đủ mạnh phải thực hiện đại đoàn kết. Do đó, đoàn kết trở thành vấn đề chiến lược lâu dài của cách mạng, là nhân tố bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng, là vấn đề sống còn của cách mạng. HCM khẳng định: ***Muốn được giải phóng, các dân tộc bị áp bức và nhân dân lao động phải tự mình cứu lấy mình bằng đấu tranh cách mạng, bằng cách mạng vô sản.***

- Trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, cần phải có chính sách và phương pháp tập hợp lực lượng cho phù hợp. Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công.

- b. Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng:**

HCM nhấn mạnh vai trò to lớn của nhân dân và coi đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu của cách mạng; Do đó, tư tưởng ĐĐKDT phải được quán triệt trong mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. ĐĐKDT không chỉ là mục tiêu, mục đích, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng mà còn là mục tiêu, mục đích, nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc.

c. Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân:

Đại đoàn kết dân tộc nghĩa là phải đoàn kết mọi con dân nước Việt (ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ). Muốn đoàn kết thì phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng với con người, phải xóa bỏ thành kiến, giúp nhau cùng tiến bộ. Đoàn kết toàn dân trong tổ chức Mặt trận trên nền tảng khối liên minh công nông và trí thức do Đảng CS lãnh đạo.

d. Đại đoàn kết dân tộc phải biến thành sức mạnh vật chất, có tổ chức là Mặt trận DTTN.

Để Mặt trận DTTN trở thành một tổ chức cách mạng to lớn, theo HCM tổ chức này cần được xây dựng theo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Đoàn kết phải xuất phát từ mục tiêu vì dân, vì nước, trên cơ sở yêu nước, thương dân, chống áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu.
- Đoàn kết toàn dân phải được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công nông và trí thức.
- Hoạt động của Mặt trận theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ.
- Khối đoàn kết trong Mặt trận là lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thật sự, chân thành; thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

II. Tư tưởng HCM về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại:

Quá trình nhận thức của HCM về mối quan hệ giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại:

- a. Sức mạnh dân tộc:** Đó là chủ nghĩa yêu nước nồng nàn, là tinh thần đoàn kết, ý chí đấu tranh anh dũng, bất khuất cho ĐLTD, ý thức tự lập, tự cường,...

b. Sức mạnh thời đại: được hình thành từng bước, từ cảm tính đến lý tính, thông qua hoạt động thực tiễn mà tổng kết thành lý luận.

- Chứng kiến cảnh sống khổ cực của nhân dân các nước thuộc địa, Người phát hiện ra môi trường đồng giữa các dân tộc bị áp bức: " Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có 2 giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột". Đó là cơ sở đầu tiên để hình thành nhận thức: muốn giải phóng dân tộc mình cần thiết phải đoàn kết với các dân tộc khác cùng cảnh ngộ.
- Khi sống với những người lao động ở Paris, HCM phân biệt được 2 loại người: người Pháp vô sản và người Pháp thực dân, trong đó chỉ có bọn thực dân là kẻ thù, còn những người vô sản là bạn của nhân dân VN. Đây là cơ sở hình thành nhận thức về sự kết hợp giữa CNYN chân chính với CNQT vô sản của HCM.
- Tiếp thu Luận cương về vấn đề DT và TĐ của Lênin, HCM ý thức được mối quan hệ giữa CMGPDT và CMVS trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, nên đã coi CMVN là một bộ phận của CMVSTG.

Như vậy, qua khảo sát thực tế, HCM đã nhận thức được rằng: CNĐQ là lực lượng phản động quốc tế, là kẻ thù chung của nhân dân lao động ở chính quốc và thuộc địa. Muốn đánh thắng chúng phải thực hiện khối liên minh chiến đấu giữa lao động ở các thuộc địa với nhau, giữa lao động ở các thuộc địa với vô sản ở chính quốc; nếu tách riêng lực lượng thì không thể nào thắng lợi được.

HCM cho rằng sự kết hợp SMDT với SMTĐ chính là kết hợp CNYN chân chính với CNQT vô sản, là phải xây dựng khối liên minh chiến đấu giữa vô sản chính quốc với lao động ở thuộc địa, nhằm cùng một lúc tiến công CNĐQ ở cả 2 đầu.

Càng về sau, Người càng nhận thức hoàn chỉnh tầm quan trọng và nội dung của việc kết hợp sức mạnh đó, coi đó là nhân tố cực kỳ quan trọng bảo đảm cho thắng lợi của CMVN.

Nội dung tư tưởng HCM về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại:

a. Đặt CMGPĐTVN trong sự gắn bó với CMVSTG:

- Thời đại mà HCM sống và hoạt động đã chấm dứt sự tồn tại biệt lập giữa các quốc gia, mở ra mối quan hệ quốc tế ngày càng rộng lớn.
 - Sự thất bại của phong trào yêu nước những năm 20 có nguyên nhân thiếu đường lối cách mạng đúng đắn, phương pháp cách mạng không phù hợp với xu thế mới của thời đại.
- Phải liên minh chiến đấu chặt chẽ giữa các dân tộc thuộc địa với GCVS các nước để quốc để thắng kẻ thù chung. HCM đã hoạt động không mệt mỏi để gắn CMVN với CMTG, đã xác định đường lối chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng đúng đắn cho sự nghiệp cứu nước GPĐTVN theo con đường CMVS.

b. Kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng:

- HCM đấu tranh không mệt mỏi để củng cố và tăng cường tình đoàn kết và hữu nghị giữa VN với các dân tộc đấu tranh cho mục tiêu chung là hòa bình, ĐLĐT, DC và CNXH.
- Với luận điểm CNĐQ là con đũa 2 vôi, HCM đã đóng góp lớn vào lý luận CNML về kết hợp chặt chẽ giữa CNYN và CNQT, kết hợp SMDT với SMTĐ.
- Đề cao sự giúp đỡ của quốc tế với CMVN, HCM cũng đồng thời nhấn mạnh trách nhiệm của CMVN với CMTG.

Như vậy, theo HCM, từ đại đoàn kết dân tộc phải đi đến đại đoàn kết quốc tế, đại đoàn kết dân tộc đúng đắn là cơ sở cho việc thực hiện đoàn kết quốc tế trong sáng.

- Kết hợp CNYN với CNQT phải đấu tranh chống mọi biểu hiện chủ nghĩa dân tộc vị kỷ.

c. Dựa vào sức mình là chính, tranh thủ sự giúp đỡ của các nước XHCN, sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ, đồng thời không quên nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình.

- HCM coi nguồn lực nội sinh giữ vai trò quyết định, nguồn lực ngoại sinh phát huy tác dụng thông quan nguồn lực nội sinh.

- Tự giải phóng là tư tưởng, là quan điểm xuyên suốt của HCM. Đánh giá cao sức mạnh của CNYN và tinh thần dân tộc, HCM đi tới luận điểm: CMTĐ không những không phụ thuộc vào thắng lợi của CMVS ở chính quốc mà trong điều kiện lịch sử nhất định, có thể và cần thiết phải chủ động tiến hành trước và bằng thắng lợi của cách mạng thuộc địa mà góp phần giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn.
- Muốn tranh thủ SMTĐ cần phải có đường lối độc lập tự chủ đúng đắn.

d. Có quan hệ hữu nghị, hợp tác, sẵn sàng làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ.

- HCM luôn chăm lo xây dựng, vun đắp cho tình hữu nghị, hợp tác và đoàn kết giữa nhân dân các nước nhằm tạo nên sức mạnh to lớn cho sự nghiệp cách mạng của các dân tộc.
- Người từng tuyên bố: " Chính sách ngoại giao của Chính phủ thì chỉ có một điều tức là thân thiện với tất cả các nước dân chủ trên thế giới để giữ gìn hòa bình".
- Trong quan hệ mở rộng với nhân dân các nước, HCM ưu tiên dành cho mối quan hệ với các nước XHCN, với Lào và Kampuchia, với các nước trong khu vực dù có chế độ chính trị khác nhau.

HCM đã vượt qua mọi trở ngại, khó khăn, từ trong những mối quan hệ chồng chéo, phức tạp của thời đại, đề ra được chủ trương, phương châm, phương pháp, đối sách, ứng xử quốc tế đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với mỗi tình hình, mỗi giai đoạn cách mạng.

III. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại trong bối cảnh hiện nay:

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc dưới ánh sáng tư tưởng HCM:

Để xây dựng, củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cần chú ý những vấn đề sau:

- Phải thấu suốt quan điểm đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Lấy mục tiêu chung của cách mạng làm điểm tương đồng, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai.
- Bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, tập thể - xã hội,...
- Đại đoàn kết là sự nghiệp của cả dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức Đảng, thực hiện bằng nhiều biện pháp, nhiều hình thức, trong đó, các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Khơi dậy và phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, nâng cao ý chí tự lực tự cường, giữ vững bản sắc dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế:

- Khơi dậy và phát huy cao độ sức mạnh nội lực, phải xuất phát từ lợi ích dân tộc, từ phát huy nội lực dân tộc mà mở rộng hợp tác quốc tế.
- Phải chú ý phát huy tính năng động của mỗi người, mỗi bộ phận. Đồng thời, phải khắc phục những tiêu cực của cơ chế thị trường, đặc biệt là tâm lý chạy theo đồng tiền, cạnh tranh không lành mạnh, làm phai nhạt truyền thống đoàn kết, tình nghĩa tương thân, tương ái của dân tộc và Đảng.
- Phải xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.
- Cùng với việc phát huy tối đa nội lực dân tộc, phải củng cố đoàn kết với phong trào cách mạng các nước, phải nắm vững phương châm ngoại giao mềm dẻo, có nguyên tắc.

CHƯƠNG V.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐCSVN; VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN.

6 T = 4 + 2.

Những luận điểm của HCM về ĐCSVN:

ĐCS là nhân tố quyết định hàng đầu đưa CMVN đến thắng lợi:

- Sức mạnh to lớn của nhân dân chỉ được phát huy khi được tập hợp, đoàn kết và được lãnh đạo bởi một tổ chức chính trị là ĐCSVN. HCM khẳng định: " Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng, vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi". Có Đảng để tổ chức, giáo dục nhân dân thành một đội quân thật mạnh, để đánh đổ kẻ địch, tranh lấy chính quyền.
- Cách mạng thắng lợi rồi, quần chúng vẫn cần có Đảng lãnh đạo.

Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với CMVN không một tổ chức chính trị nào có thể thay thế được. Sự tồn tại và phát triển của Đảng phù hợp với qui luật phát triển của xã hội. Ngoài lợi ích của GCCN, NDLD và của DTVN, Đảng không có bất kỳ lợi ích nào khác.

ĐCSVN là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mac - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước:

- ĐCS = CNML + PTCN.

- ĐCSVN = CNML + PTCN + PTYN. Đây là quan điểm quan trọng của HCM về qui luật hình thành ĐCSVN, là sự phát triển sáng tạo CNML trên cơ sở tổng kết thực tiễn Việt Nam.
- Vì sao có yếu tố PTYN? Vì:
 - PTYN có vị trí, vai trò cực kỳ to lớn trong quá trình phát triển của DTVN.
 - PTCN kết hợp được với PTYN vì 2 phong trào đó đều có mục tiêu chung.
 - PTND kết hợp với PTCN vì GCND là bạn đồng minh tự nhiên của GCCN, PTCN và PTYN có mối quan hệ chặt chẽ, GCND và GCCN hợp thành đạo quân chủ lực của cách mạng.
 - PTYN của trí thức VN là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự kết hợp các yếu tố cho sự ra đời của ĐCSVN.

ĐCSVN - Đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam (Đảng thống nhất giữa 2 yếu tố: giai cấp và dân tộc):

- HCM khẳng định: " Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp" - Đảng mang bản chất của GCCN. Mục đích của Đảng là làm TSDQCM và TĐCM để đi tới XHCS.
- ĐLĐVN là Đảng của GCCN và NDLD, cho nên nó phải là Đảng của DTVN. Đảng là đội tiên phong của GCCN, đồng thời là đội tiên phong của dân tộc. Đảng đại diện cho lợi ích của toàn dân tộc nên nhân dân VN coi ĐCSVN là Đảng của chính mình.

ĐCSVN lấy chủ nghĩa Mac -Lênin làm cốt:

HCM chỉ rõ: Đảng phải dựa vào lý luận cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mac - Lênin: " Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam".

Khi tiếp nhận chủ nghĩa Mac - Lênin, HCM lưu ý mấy điểm sau:

- Việc học tập, nghiên cứu, tuyên truyền chủ nghĩa Mac- Lênin phải luôn phù hợp với hoàn cảnh và phù hợp với từng đối tượng.
- Việc vận dụng chủ nghĩa Mac- Lênin phải luôn phù hợp với từng hoàn cảnh.

- Trong quá trình hoạt động, Đảng phải chú ý học tập, kế thừa những kinh nghiệm tốt của các ĐCS khác, đồng thời, Đảng phải tổng kết kinh nghiệm của mình để bổ sung chủ nghĩa Mac - Lênin.
- Đảng phải tăng cường đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mac - Lênin.

ĐCSVN phải được xây dựng theo những nguyên tắc kiểu mới của giai cấp vô sản:

- **Tập trung dân chủ:** là nguyên tắc cơ bản trong xây dựng Đảng. Tập trung và dân chủ có quan hệ khăng khít nhau: tập trung trên nền tảng dân chủ, dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung.
- **Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách:**
 - Vì sao cần phải có tập thể lãnh đạo?
 - Vì sao cần phải cá nhân phụ trách? Có chuyên trách, công việc mới chạy.
- **Tự phê bình và phê bình:** phải tiến hành thường xuyên như người ta rửa mặt hàng ngày, phải thẳng thắn, chân thành, trung thực, không nể nang, không giấu giếm.
- **Kỷ luật nghiêm, tự giác:** mọi đảng viên đều bình đẳng trước điều lệ Đảng, trước pháp luật, trước mọi quyết định của Đảng. Tự giác là yêu cầu bắt buộc đối với mọi tổ chức Đảng và đảng viên. Tính nghiêm minh, tính tự giác đòi hỏi đảng viên phải gương mẫu trong cuộc sống, trong công tác.
- **Đoàn kết thống nhất trong Đảng:** Dựa trên cơ sở lý luận của Đảng, đường lối, quan điểm, nghị quyết của Đảng. Để thực hiện đoàn kết thống nhất trong Đảng, phải thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình; chống chủ nghĩa cá nhân, chống các biểu hiện tiêu cực khác.

Tăng cường và củng cố mối quan hệ bền chặt giữa Đảng với dân:

HCM nêu lên những yêu cầu về tăng cường mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng với nhân dân:

- Phải thường xuyên lắng nghe ý kiến của nhân dân, hiểu rõ tâm tư nguyện vọng của nhân dân.
- Thường xuyên vận động nhân dân tham gia xây dựng Đảng.
- Đảng phải có trách nhiệm nâng cao dân trí. Không thể có một Đảng trí tuệ nếu nền dân trí thấp.
- Đảng không được theo đuôi quần chúng (quần chúng có nhiều hạng: hăng hái, vừa vừa, kém). Đảng phải vững vàng, bản lĩnh khi xử lý công việc.

Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn:

Đảng tự chỉnh đốn, tự đổi mới trên những vấn đề sau:

- Đảng phải luôn vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải luôn xứng đáng là đội tiên phong của GCCN, của NDLD và của DTVN.
- Cán bộ của Đảng là những người toàn tâm, toàn ý phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phải là những người vừa có tài, vừa có đức.
- Đảng phải luôn chú ý đề phòng và khắc phục những tiêu cực, thoái hóa, biến chất, luôn giữ gìn Đảng trong sạch, vững mạnh.
- Đảng phải tự vươn lên đáp ứng kịp thời yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới. Muốn vậy, Đảng phải chú ý nâng cao tầm trí tuệ, tầm tư tưởng, nâng cao trình độ về mọi mặt.

TTHCM về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân:

1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động:

- HCM chú ý khảo cứu lựa chọn nhà nước kiểu mới cho VN - nhà nước đại biểu quyền cho số đông người - nhà nước của dân, do dân, vì dân.
- Nhà nước của dân, do dân, vì dân có những nội dung sau:
 - **Nhà nước của dân:** mọi quyền lực trong nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Quyền làm chủ và quyền kiểm soát của nhân dân thể hiện ở chỗ nhân dân có quyền bãi miễn những đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu đó tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

Dân là chủ có nghĩa là xác định vị thế của dân. ***Dân làm chủ*** có nghĩa là xác định quyền và nghĩa vụ của dân. Trong nhà nước của dân, người dân được hưởng mọi quyền dân chủ. Nhà nước có trách nhiệm phải đảm bảo quyền làm chủ của dân.

- **Nhà nước do dân:** Nhà nước do dân lập nên, do dân ủng hộ, dân làm chủ. Nhiệm vụ của người cách mạng phải làm cho dân hiểu, dân giác ngộ để nâng cao được trách nhiệm làm chủ, nâng cao được ý thức trách nhiệm chăm lo xây dựng nhà nước của mình.

Nhà nước vì dân: nhà nước lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu, tất cả đều vì lợi ích của dân, ngoài ra không có bất cứ một lợi ích nào khác.

TTHCM về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước:

- **Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước VNDCCH:** trong XH có giai cấp, nhà nước mang bản chất giai cấp. Nhà nước của dân, do dân, vì dân là Nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân. Vì:
 - Nhà nước do ĐCSVN lãnh đạo: ĐCSVN giữ vững và tăng cường bản chất GCCN, Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng phương thức thích hợp: bằng đường lối, quan điểm, chủ trương để Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật; Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng hoạt động của các tổ chức Đảng và đảng viên của mình trong bộ máy, cơ quan Nhà nước, Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng công tác kiểm tra.
 - Bản chất giai cấp của Nhà nước thể hiện ở tính định hướng XHCN trong sự phát triển của đất nước.
 - Bản chất giai cấp của Nhà nước thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ.
- **Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc:**

- Nhà nước ta ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của rất nhiều thế hệ người VN từ quá trình dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc.
- Tính thống nhất của nó còn thể hiện ở chỗ Nhà nước ta bảo vệ lợi ích của nhân dân, lấy lợi ích của dân tộc làm cơ bản.
- Trong thực tế, Nhà nước đã đứng ra làm nhiệm vụ của cả dân tộc giao phó, đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến để bảo vệ độc lập - tự do của Tổ quốc, xây dựng nước VN hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới.

2. TTHCM về một Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ:

- Xây dựng một Nhà nước hợp hiến:** Với cuộc TTC ngày 06. 01. 1946, nhân dân ta đã bầu QH khóa I. Ngày 02. 03. 1946, QH đã họp phiên đầu tiên lập ra các tổ chức, bộ máy và các chức vụ chính thức của Nhà nước. HCM được bầu làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp đầu tiên. Đây là Chính phủ có đầy đủ giá trị pháp lý để giải quyết một cách có hiệu quả vấn đề đối nội và đối ngoại ở nước ta.
- Quản lý nhà nước bằng pháp luật và chú trọng đưa pháp luật vào trong cuộc sống:**
- Tích cực xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của Nhà nước đủ đức, đủ tài:**

Những yêu cầu về xây dựng đội ngũ công chức:

- Tuyệt đối trung thành với cách mạng.
- Hăng hái thành thạo công việc, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ.
- Phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân.
- Cán bộ, công chức phải là những người dám phụ trách, dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm, nhất là trong những tình huống khó khăn, " thắng không kiêu, bại không nản".

3. TTHCM về xây dựng một Nhà nước trong sạch vững mạnh, hoạt động có hiệu quả:

a. Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước:

Những tiêu cực cần được đề phòng và khắc phục:

- Đặc quyền, đặc lợi.
- Tham ô, lãng phí, quan liêu.
- " Tư túng", " chia rẽ", " kiêu ngạo".

b. Tăng cường pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức.

- Thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm.
- Phát huy truyền thống tốt đẹp của cộng đồng, cảm hóa những người lỗi lầm, kéo họ đi với cách mạng.

I. Xây dựng Đảng vững mạnh, xây dựng Nhà nước ngang tầm nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới theo TTHCM:

1. Chú trọng hơn nữa xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức:

- Vận dụng TTHCM vào việc xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị đòi hỏi Đảng phải đề ra được đường lối đúng đắn, phải tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối đó ở các cấp. Đường lối phải được xây dựng trên nền tảng chủ nghĩa Mac - Lênin, TTHCM, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của từng thời kỳ., phải dựa trên thực tế, có khả năng thực thi, đáp ứng được đòi hỏi của sự phát triển của đất nước. Trong quá trình thực hiện, Đảng phải tổng kết thực tiễn, nắm bắt được xu thế của thời đại, sự biến động trong nước và quốc tế để bổ sung, phát triển đường lối.
- Vận dụng TTHCM vào việc xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng đòi hỏi Đảng phải giáo dục, rèn luyện đảng viên kiên định lập trường tư tưởng, kiên định con đường ĐLDT gắn liền với CNXH.
- Vận dụng TTHCM vào việc xây dựng Đảng vững mạnh về tổ chức đòi hỏi Đảng phải chú trọng kiện toàn các tổ chức của mình, làm cho Đảng có sức mạnh vô địch. Các tổ chức Đảng phải luôn trong sạch vững mạnh, cán bộ đảng viên luôn trau dồi đạo đức cách mạng.

2. Xây dựng Nhà nước ngang tầm nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới:

- a. Nhà nước phải bảo đảm quyền làm chủ thật sự của nhân dân:**
Đây là nội dung cơ bản trong yêu cầu xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. Trong vấn đề này, việc mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường pháp chế XHCN có ý nghĩa quan trọng. Quyền làm chủ của nhân dân phải được thể chế hóa bằng Hiến pháp và pháp luật, đưa Hiến pháp và pháp luật vào trong cuộc sống.
- b. Kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước:** đảm bảo nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh. Kiên quyết khắc phục hiện tượng quan liêu, hách dịch, cửa quyền,...
- c. Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước:**
Đây là trách nhiệm quan trọng của Đảng với tư cách là Đảng cầm quyền: lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và phát huy vai trò quản lý của Nhà nước, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước: lãnh đạo bằng đường lối, bằng tổ chức bộ máy của Đảng, bằng vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên,...

CHƯƠNG VI.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC, NHÂN VĂN, VĂN HÓA.

11T = 9 + 2.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức.

Quan điểm về vai trò của đạo đức cách mạng:

- **Vai trò của đạo đức:**

- ĐĐCM là nền tảng của người cán bộ cách mạng. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang. Người cán bộ cách mạng không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân (GPDT, GP loài người là công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì).
 - Đạo đức là gốc, là nền tảng vì nó liên quan tới Đảng cầm quyền. Đảng cầm quyền lãnh đạo toàn xã hội, lãnh đạo Nhà nước, nếu cán bộ đảng viên không tu dưỡng về đạo đức cách mạng thì mặt trái của quyền lực có thể làm tha hóa con người; vì vậy, HCM yêu cầu Đảng phải là đạo đức, là văn minh.
 - Vai trò của đạo đức còn thể hiện ở chỗ đó là thước đo lòng cao thượng của con người: ai giữ được đạo đức cách mạng đều là người cao thượng.
- **Đạo đức có khả năng tác động tích cực trở lại, cải biến tồn tại xã hội.** Giá trị đạo đức tinh thần một khi được con người tiếp nhận sẽ biến thành sức mạnh vật chất: Có đạo đức cách mạng thì dù khó khăn gian khổ, thất bại cũng không lùi bước; khi gặp thuận lợi cũng giữ tinh thần khiêm tốn, không kèn cựa về mặt hưởng thụ, không công thân, không quan liêu,...
- **Đức và tài có mối quan hệ mật thiết.** Có đức sẽ có tài, nếu không sẽ không mang lại lợi ích gì mà còn có hại cho dân. Mặt khác phải thấy trong đức có tài. Tài càng lớn thì đức phải càng cao, vì đức và tài là nhằm phục vụ nhân dân và đưa cách mạng đến thắng lợi.

Những phẩm chất đạo đức cơ bản của con người Việt Nam trong thời đại mới:

- a. **Trung với nước, hiếu với dân:** Đây là chuẩn mực đạo đức có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.
- **Nội dung chủ yếu của trung với nước:**

- Phải biết đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc, của cách mạng lên trên hết, lên trước hết.
 - Quyết tâm phấn đấu thực hiện mục tiêu cách mạng.
 - Thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.
- **Nội dung chủ yếu của hiếu với dân:**
- Khẳng định vai trò sức mạnh thực sự của nhân dân.
 - Tin dân, học dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, tổ chức, vận động nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước.
 - Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.
- b. **Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư:** Đây là biểu hiện sinh động của phẩm chất trung với nước, hiếu với dân.
- Giải thích khái niệm cần, kiệm, liêm, chính.
 - Chí công vô tư là không nghĩ đến mình trước, chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào; đặt lợi ích của cách mạng, của nhân dân lên trên hết. Thực hành chí công vô tư là phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân (chủ nghĩa cá nhân là giặc nội xâm, là trở ngại lớn cho việc xây dựng CNXH), nâng cao đạo đức cách mạng.
- c. **Thương yêu con người:**
- Có 2 hạng người: người thiện và người ác; có 2 thứ việc: việc chính và việc tà. Làm việc chính là người thiện, làm việc tà là người ác. Người kết luận: người bị áp bức bóc lột, người làm điều thiện dù màu da có khác nhau vẫn có thể đoàn kết, hòa hợp, coi nhau như anh em một nhà.
 - Tình thương yêu con người ở HCM được nhận thức và giải quyết trên lập trường của giai cấp vô sản, luôn gắn liền với hành động cụ thể, phấn đấu vì độc lập của Tổ quốc, tự do hạnh phúc của con người.
- d. **Tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung:**
- Chủ nghĩa quốc tế là một trong những đặc điểm quan trọng nhất của đạo đức cộng sản chủ nghĩa.
 - Nội dung chủ nghĩa quốc tế trong TTHCM:

- * Là sự tôn trọng, thương yêu tất cả các dân tộc.
- * Chống sự hằn thù, bất bình đẳng dân tộc, chống sự phân biệt chủng tộc.
- * Giúp bạn là giúp mình, thắng lợi của mình cũng là thắng lợi của nhân dân thế giới.

1. Những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới:

a. Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức: Vì sao nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức? vì:

- Đạo đức cách mạng là đạo đức luôn được nhận thức và giải quyết trên lập trường của GCCN, phục vụ lợi ích của cách mạng.
- Nhằm chống thói đạo đức giả: nói mà không làm, nói một đằng, làm một nẻo.
- Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức là một nét đẹp của văn hóa phương Đông.
- Làm gương có nhiều cấp độ, phạm vi và hệ qui chiếu khác nhau. Tùy theo nhiệm vụ và tình hình mà gương đó được biểu hiện ở những mặt nào. Việc bồi dưỡng, nêu gương là việc rất quan trọng, cần thiết, không được xem thường.

b. Xây đi đôi với chống, phải tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi:

- Làm cách mạng là quá trình kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống. Xây dựng đạo đức mới lại càng phải quan tâm đến điều này vì:
 - Trong mỗi con người đều có cái thiện và cái ác. Phải làm cho cái ác mất đi; cái thiện nảy nở như hoa mùa xuân.
 - Con đường tiến lên CNXH là cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, cuộc chiến đấu không lờ. Trong cuộc chiến đấu đó, có nhiều kẻ địch: CNTB, CNDQ - kẻ địch rất nguy hiểm; thói quen và truyền thống lạc hậu - kẻ địch to, ngấm ngấm ngăn trở cách mạng tiến bộ; chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng tiểu tư sản - còn ẩn nấp trong mình mỗi con người chúng ta, chờ dịp để ngóc đầu dậy, là bạn đồng minh của 2 kẻ địch kia.
 - Trong hoàn cảnh nào cũng phải quyết tâm đấu tranh chống mọi kẻ địch, luôn cảnh giác, quyết không chịu khuất phục. Có như vậy, mới

thắng được địch và thực hiện được nhiệm vụ cách mạng. Đối với từng người, phải đánh thắng lòng tà là kẻ thù trong mình, không hiếu danh, không kiêu ngạo, ít lòng tham muốn về vật chất,...

- Chống và xử lý nghiêm là nhằm xây, đi liền với xây và muốn xây thì phải chống. Mục đích cuối cùng là xây dựng con người có đạo đức và nền đạo đức mới Việt Nam. Vì vậy, đây là nhiệm vụ lâu dài.
 - Xây là giáo dục những phẩm chất đạo đức mới, đạo đức cách mạng cho con người VN trong thời đại mới theo tư tưởng HCM.
 - Xây dựng đạo đức có nhiều cách làm. Trước hết mỗi người phải tổ chức và có ý thức tự trau dồi đạo đức cách mạng. Điều này càng cần thiết và có ý nghĩa đối với Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên.
- Xây đi đôi với chống trên cơ sở tự giáo dục, đồng thời phải tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi.

c. Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời:

- HCM: " Chúng ta phải nhớ câu: " Chính tâm, tu thân" để " Trị quốc, bình thiên hạ" ". Chính tâm, tu thân tức là cải tạo. Cải tạo cũng phải trường kỳ, gian khổ, vì đó là cuộc cách mạng trong bản thân mỗi người. Bồi dưỡng tư tưởng mới để đánh thắng tư tưởng cũ, để trở thành con người mới không phải là một việc dễ dàng.
- Đạo đức cách mạng phải được tu dưỡng, rèn luyện bền bỉ suốt đời, phải như công việc rửa mặt hàng ngày. Cái ác luôn ẩn nấp trong mỗi con người; Vì vậy, không được sao nhãng việc tu dưỡng, mà phải rèn luyện suốt đời, bền bỉ.
- Đạo đức cách mạng là nhằm giải phóng và đem lại hạnh phúc, tự do cho con người, đó là đạo đức của những con người được giải phóng; Vì vậy, việc tu dưỡng đạo đức phải gắn liền với hoạt động thực tiễn trên tinh thần tự giác, tự nguyện, dựa vào lương tâm và trách nhiệm của mỗi người.

I. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh.

1. Con người là vốn quý - nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng:

a. Nhận thức về con người:

- HCM đề cập con người cụ thể, lịch sử.
- Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mac - Lênin và qua hoạt động thực tiễn, HCM sử dụng khái niệm " người bản xứ bị bóc lột", " người mất nước", " người cùng khổ", " người vô sản",...
- Đứng vững trên lập trường GCCN, từ khi lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền, HCM thường dùng khái niệm " đồng bào", " quốc dân", " lao động chân tay", " lao động trí óc",...
- Thập kỷ 40 của TK XX, HCM bàn đến chữ " người" với nhiều nghĩa và phạm vi khác nhau: **hẹp**: gia đình, anh em, bạn bè,... **rộng**: đồng bào cả nước, loài người.

b. Thương yêu, quý trọng con người: (con người: đồng bào, đ/c, người VN yêu nước, trẻ, già, trai, gái,...).

- Yêu thương những người nô lệ bị mất nước, những người cùng khổ, những thanh niên chết vô ích ở VN dù họ là da trắng bởi " máu nào cũng là máu; người nào cũng là người".
- Về đối tượng: HCM thương yêu những con người đang sống thực trên trần gian. Về cơ sở khoa học: Người chỉ ra nguồn gốc của mọi sự đau khổ của những con người nô lệ, mất nước.
- HCM khát khao hòa bình, một nền hòa bình thật sự trong độc lập, tự do.
- HCM coi sinh mạng con người là quý giá nhất: Người quý trọng sức dân, của dân, trọng người tài, đức,...
- Lòng thương yêu con người ở HCM theo tinh thần làm cho nước nhà được hoàn toàn độc lập, nhân dân được hoàn toàn tự do,...

c. Tin vào sức mạnh, phẩm giá và tính sáng tạo của con người:

- Ở HCM, lòng yêu thương con người mang nội dung mới, chứa đựng một ý nghĩa cách mạng thực sự sâu sắc: tin vào sức mạnh và tính chủ động sáng tạo của quần chúng nhân dân " Người Đông Dương không chết, Người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi... Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu..."; theo HCM, " trong bầu trời

không có gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân",..

- Niềm tin vào sức mạnh của dân còn được nhận thức từ mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Chính phủ: nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng; nếu không có Chính phủ thì nhân dân không có ai dẫn đường. Đảng lãnh đạo để dân làm chủ. Lực lượng bao nhiêu là nhờ ở dân hết.
- Tin dân ở HCM còn xuất phát từ niềm tin vào tình người: con người có tốt, có xấu, nhưng " dù là xấu, tốt, văn minh hay dã man đều có tình". Trong khi giữ vững niềm tin vào nhân dân thì phải chống bệnh " xa nhân dân, khinh nhân dân".

d. Lòng khoan dung rộng lớn: HCM xem xét con người trong mối quan hệ đa dạng của nó: đa dạng trong tính cách, trong khát vọng, phẩm chất, khả năng, trong hoàn cảnh, điều kiện sống,.. Trên cơ sở đó, lòng khoan dung ở HCM có nội dung sâu sắc, rộng lớn:

- Đoàn kết rộng rãi, lâu dài các lực lượng là thể hiện lòng nhân ái bao dung cao cả. Người trăn trọng phần thiện dù là nhỏ nhất, khai thác tình người trong mỗi con người.
- HCM đưa ra chủ trương có lý, có tình đối với kiều dân nước ngoài ở VN nhằm bảo vệ tính mạng, tài sản của họ.
- HCM có chính sách khoan hồng đại lượng, đối xử nhân đạo với tù binh.
- Khi cán bộ đảng viên có lỗi, Người chú ý giáo dục, nhẹ xử phạt. Người cổ vũ con người, hướng con người tới chân - thiện - mỹ.
- Trăn trọng mọi ý kiến khác nhau.

2. **Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng:**

a. Con người là mục tiêu giải phóng của sự nghiệp cách mạng: Mục tiêu của cách mạng là GPDT, GPGC, GPCN, ĐLDT gắn liền với CNXH. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ đều vì lợi ích chính đáng của con người.

b. Con người là động lực của cách mạng:

- Không phải mọi con người đều trở thành động lực, mà phải là những con người được thức tỉnh, được giác ngộ, giáo dục, định hướng và tổ chức. Họ phải có trí tuệ và bản lĩnh, văn hóa, đạo đức, được nuôi dưỡng trên nền truyền thống lịch sử và văn hóa hàng ngàn năm của dân tộc.
- Con người là động lực chỉ có thể thực hiện được khi hoạt động có tổ chức và có lãnh đạo. Vì vậy, vai trò của Đảng là vô cùng quan trọng.
- Mỗi quan hệ biện chứng giữa con người - mục tiêu và con người - động lực: Càng chăm lo cho con người - mục tiêu - tốt bao nhiêu thì sẽ phát huy - con người - động lực - tốt bấy nhiêu.

3. **Xây dựng con người là chiến lược hàng đầu của cách mạng:**

Con người được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển: vừa nằm trong chiến lược phát triển KT -XH của đất nước với nghĩa rộng, vừa nằm trong chiến lược Giáo dục - đào tạo theo nghĩa hẹp.

- Con người XHCN do CNXH tạo ra. Nhưng để tiến lên CNXH trước hết cần có con người XHCN. Nhiệm vụ xây dựng con người là một quá trình lâu dài không ngừng hoàn thiện, nâng cao và thuộc về trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, gia đình, cá nhân mỗi người.
- Con người XHCN có 2 mặt gắn bó chặt chẽ với nhau: kế thừa những giá trị tốt đẹp của con người truyền thống và hình thành những phẩm chất mới.
- Để trồng người, có nhiều biện pháp, nhưng giáo dục - đào tạo là biện pháp quan trọng nhất. Nội dung và phương pháp giáo dục phải toàn diện cả đức, trí, thể, mỹ, phải đặt đạo đức, lý tưởng, tình cảm cách mạng, lối sống XHCN lên hàng đầu.

II. **Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa.**

1. **Những quan điểm chung của HCM về văn hóa:**

a. **Quan điểm về vị trí vai trò của văn hóa:**

- HCM nêu lên định nghĩa về văn hóa: Văn hóa được hiểu theo nghĩa rộng nhất: văn hóa bao gồm toàn bộ những giá trị vật chất,

tinh thần do con người sáng tạo ra; văn hóa là động lực giúp con người sinh tồn; văn hóa là mục đích cuộc sống loài người; xây dựng văn hóa dân tộc phải toàn diện, đặt xây dựng tinh thần độc lập tự cường lên hàng đầu.

- **Theo HCM**, văn hóa là đời sống tinh thần của xã hội, là thuộc về kiến trúc thượng tầng, có quan hệ mật thiết với KT, CT, XH, tạo thành 4 vấn đề chủ yếu của đời sống xã hội:
 - Chính trị, xã hội được giải phóng thì văn hóa mới được giải phóng. Chính trị giải phóng mở đường cho văn hóa phát triển.
 - Văn hóa quan trọng ngang CT, KT, XH.
 - Xây dựng KT để tạo điều kiện cho việc xây dựng và phát triển văn hóa.
 - Văn hóa là KTTT nhưng không thể đứng ngoài, mà phải ở trong KT và CT. Văn hóa phải phục vụ nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế.

b. Quan điểm về tính chất của nền văn hóa mới:

a. Trong thời kỳ CMDTDCND: là nền văn hóa dân chủ mới, đồng thời là nền văn hóa kháng chiến với 3 tính chất: Dân tộc, khoa học, đại chúng.

- **Tính dân tộc:** là cái cốt, cái bên trong rất đặc trưng của nền văn hóa dân tộc. Nó phân biệt, không nhầm lẫn với văn hóa của các dân tộc khác.
- **Tính khoa học:** nền văn hóa phải thuận với trào lưu tiến hóa của tư tưởng hiện đại: HB, ĐLDT, DC và tiến bộ xã hội.
- **Tính đại chúng:** Văn hóa phục vụ nhân dân, hợp với nguyện vọng của nhân dân, đậm đà tính nhân dân.

b. Trong thời kỳ CMXHCN: là nền văn hóa có nội dung XHCN và tính chất dân tộc.

- **Nội dung XHCN:** là thể hiện tính tiên tiến, tiến bộ, khoa học và hiện đại, biết tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại; phù hợp với trào lưu tiến hóa trong thời đại mới.

- **Tính chất dân tộc:** là biết giữ gìn, kế thừa, phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, phát triển những truyền thống tốt đẹp ấy cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới của đất nước.

c. Quan điểm về chức năng của văn hóa:

- Bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và tình cảm cao đẹp.
- Nâng cao dân trí.
- Bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, những phong cách, lối sống lành mạnh, luôn hướng con người vươn tới cái chân, thiện, mỹ, không ngừng hoàn thiện bản thân con người.

2. TTHCM về một số lĩnh vực của văn hóa:

a. Văn hóa giáo dục:

- Mục tiêu của văn hóa giáo dục: thực hiện 3 chức năng của văn hóa bằng giáo dục.
- Cải cách giáo dục bao gồm xây dựng chương trình, nội dung dạy và học hợp lý, phù hợp với các giai đoạn cách mạng. Nội dung giáo dục phải toàn diện. Cách học phải sáng tạo, không giáo điều.
- Phương châm, phương pháp giáo dục: Phương châm: học đi đôi với hành, lý luận liên hệ với thực tế, học tập kết hợp với lao động, phối hợp nhà trường - gia đình và xã hội. Phương pháp giáo dục phải xuất phát và bám chắc vào mục tiêu giáo dục.
- Quan tâm xây dựng đội ngũ giáo viên.

b. Văn hóa văn nghệ:

- Văn nghệ là một mặt trận, văn nghệ sĩ là chiến sĩ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng, trong xây dựng xã hội mới, con người mới.
- Văn hóa văn nghệ phải gắn với thực tiễn của đời sống nhân dân.
- Phải có những tác phẩm xứng đáng với dân tộc và thời đại.

c. Văn hóa đời sống: thực chất là đời sống mới với 3 nội dung: đạo đức mới, lối sống mới, nếp sống mới. Trong đó, đạo đức mới (đạo đức cách mạng) đóng vai trò chủ yếu.

III. Vận dụng TTHCM về đạo đức, nhân văn, văn hóa vào việc xây dựng con người VN mới hiện nay:

1. Học tập và vận dụng TTHCM về đạo đức, lối sống:

- Bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mac - Lênin, TTHCM.
- Nêu cao tinh thần yêu nước, yêu CNXH, có ý chí vươn lên trong lao động, học tập, bảo vệ Tổ quốc XHCN.
- Biết giữ gìn đạo đức, nhân phẩm, lương tâm và danh dự.

2. Học tập và vận dụng tư tưởng nhân văn HCM:

- Xây dựng một xã hội nhân văn theo TTHCM: công bằng xã hội, quan tâm tới lợi ích cá nhân, tập thể và công đồng, bảo đảm bình đẳng của các thành phần kinh tế.
- Phấn đấu cho ĐL, TD, hạnh phúc, C. bằng, DC của con người, của dân tộc và nhân loại. Tất cả vì con người và do con người. Xây dựng một xã hội văn minh trong đó con người phát triển toàn diện cả đức và tài; cả lý trí và tình cảm cách mạng; có lòng nhân ái, khoan dung.

3. Vận dụng và phát triển TTHCM về văn hóa:

Xây dựng con người VN trong thời đại mới có những nội dung sau:

- Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì ĐLDT và CNXH, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì HB, ĐLDT, DC và TBXH.
- Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung.
- Có lối sống lành mạnh, văn minh, cần, kiệm, liêm, chính,...
- Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội.
- Thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực.

CHƯƠNG VII.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI.

I. Bối cảnh thế giới và trong nước:

1. Đặc điểm của tình hình thế giới:

- **Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển mạnh mẽ:** lợi thế thuộc về những quốc gia nào có lực lượng lao động được đào tạo đáp ứng được đòi hỏi của khoa học công nghệ + tạo ra những cơ sở cho sự phát triển nhanh hơn, mạnh hơn quá trình toàn cầu hóa + tăng cường con đường phát triển của các quốc gia - dân tộc. Quá trình liên kết này thực chất là cuộc cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Đây là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh.
- **Tình hình chính trị trên thế giới có những thay đổi lớn:** hệ thống XHCN không còn + những cuộc xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố,... ngày càng nhiều + CNTB tiếp tục có sự điều chỉnh để phát triển + khu vực châu Á, TBD trở thành khu vực phát triển năng động nhưng đang tiềm ẩn những biến cố khó lường + đấu tranh DT và GC diễn ra gay gắt và phức tạp dưới nhiều hình thức.

2. Bối cảnh trong nước:

- Đất nước đa thu được những thành tựu cơ bản.

- VN đang đứng trước cơ hội và thách thức lớn đan xen nhau.

Quan điểm cơ bản có ý nghĩa phương pháp luận đối với việc vận dụng và phát triển TTHCM:

1. Lý luận gắn liền với thực tiễn:

- Dem những vấn đề lý luận đối chiếu với thực tiễn.
- Trong quá trình hoạt động thực tiễn, phải chú ý tổng kết nâng lên thành những vấn đề lý luận.
- Thông qua thực tiễn để kiểm nghiệm lý luận.

2. Quan điểm lịch sử - cụ thể:

- Đặt những quan điểm, luận điểm của HCM vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể nhất định.
- Xem xét những quan điểm của HCM trong mối quan hệ biện chứng với thực tiễn cuộc sống.
- Những quan điểm của HCM còn phải được tìm hiểu trong cuộc sống, trong những việc làm cụ thể của Người. Khi nghiên cứu phải gắn với hoàn cảnh lịch sử cụ thể.
- TTHCM là sản phẩm của một thời kỳ lịch sử, nó phản ánh hiện thực lịch sử và do đó, nó chịu sự chi phối, tác động của chính bản thân điều kiện lịch sử. TTHCM cần được triển khai, vận dụng và phát triển trong điều kiện mới.

3. Quan điểm toàn diện và hệ thống:

- Phải nhìn nhận sự vật, hiện tượng một cách toàn diện, bao quát.
- Với quan điểm toàn diện và hệ thống, cần tránh bỏ sót việc lớn, bỏ qua việc cơ bản; tránh tình trạng chỉ biết những việc vụn vặt. Phải nắm lấy những việc chủ yếu, trọng tâm, những việc có tác dụng chung đến toàn hệ thống.
- Khi nghiên cứu, xem xét, phải đặt vấn đề nghiên cứu trong một tổng thể, tìm ra bản chất của vấn đề trong toàn bộ trạng thái vận động của nó.
- Những quan điểm của HCM có tính chất nhất quán trong một hệ thống chặt chẽ. Do vậy, khi nghiên cứu và vận dụng, không nên biệt lập từng quan điểm, mà cần đặt TTHCM trong hệ thống lý luận Mac - Lênin.

4. Quan điểm kế thừa và phát triển: Quan điểm này cho chúng ta thấy rằng:

- Cuộc sống vận động không ngừng. Vận dụng TTHCM vào trong điều kiện mới đặt ra yêu cầu: chủ thể phải hiểu đúng những quan điểm cơ bản của TTHCM, nắm bắt đúng tình hình thực tế trong nước và thế giới.
- Trong kế thừa và phát triển phải giữ đúng nguyên tắc, đúng mục đích, đúng mục tiêu chiến lược. Những vấn đề sách lược có thể và cần thiết phải thay đổi cho phù hợp với từng lúc, từng nơi.
- Trong quá trình vận dụng và phát triển cần lưu ý đến việc vận dụng tinh thần và phương pháp của Người để tiếp tục nhận thức và hành động đúng qui luật.

Phương hướng và một số nội dung vận dụng, phát triển TTHCM trong sự nghiệp đổi mới:

1. **Phương hướng:**

Phải nắm vững quan điểm thực tiễn, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng của Người để giải quyết đúng những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

2. **Một số nội dung chủ yếu vận dụng và phát triển TTHCM hiện nay:**

- **Kiên định con đường mà HCM đã chọn** (đi lên CNXH - những đặc trưng).
- **Dựa vào sức mạnh của toàn dân:** thường xuyên chăm lo xây dựng và phát triển nguồn lực con người + tiếp tục xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc + tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân + Dựa vào sức mạnh của dân, xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, dựa trên cơ sở giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, lấy CNML và TTHCM làm nền tảng + làm cho nhân dân làm tròn nghĩa vụ công dân .
- **Xây dựng và kiện toàn hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh:** xây dựng, chỉnh đốn ĐCSVN vững mạnh + xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, thể hiện quyền làm chủ của nhân dân + luôn chăm lo xây dựng Mặt trận và các đoàn thể.